

T, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 13, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số 68/2020/TLST - DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (tên viết tắt: S).

- Địa chỉ: 266 - 268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thạch Đức D – Chức vụ Tổng giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Kim B – Chức vụ Giám đốc S – Chi nhánh L (văn bản ủy quyền số 3990/2019/GUQ – PL, ngày 16/12/2019). Ông B ủy quyền lại cho bà Phạm Thị T – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, bà Nguyễn Thị Thu N – Chức vụ: Phó trưởng phòng kiểm soát rủi ro (Văn bản ủy quyền số 109/GUQ – CNLB, ngày 27/12/2019).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1978

- HKTT: Tập thể Z, xã T, Huyện T, Thành phố Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

Chị Lê Thị B, sinh năm 1982

- HKTT: Thôn X, xã K, huyện T, Thành phố Hà Nội.

- Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần S và vợ chồng anh Nguyễn Thế V, chị Lê Thị B cùng xác nhận:

* Tính đến ngày 18/5/2020, anh Nguyễn Thế V, chị Lê Thị B còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S theo hợp đồng tín dụng số LD1825300188 ngày 11/9/2018 kèm theo phụ lục tài sản đảm bảo, phụ lục các điều khoản chung; thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 20/9/2018 kèm theo phụ lục tài sản đảm bảo; giấy nhận nợ ngày 11/9/2018 các khoản như sau:

+ Nợ gốc: 2.996.600.000đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 307.818.260 đồng.

+ Lãi quá hạn: 13.690.398đồng.

Tổng công là 3.318.108.658 đồng.

- Kể từ ngày 19/5/2020, anh V và chị B tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại các văn bản tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng với anh V, chị B cho đến khi thanh toán hết nợ.

* Chậm nhất đến ngày 30/9/2020, anh Nguyễn Thế V, chị Lê Thị B có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 3.318.108.658đồng, các khoản phát sinh và tất toán khoản vay tại Ngân hàng.

2. Trường hợp anh V, chị B vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11-1, tờ bản đồ số 20, địa chỉ Thôn N, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 162005 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18/9/2018 mang tên anh Nguyễn Thế V, chị Lê Thị B theo hợp đồng thế chấp số LD1825300188/HĐTC số công chứng 1451/2018/HĐTC, quyền số 01/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 20/9/2018 tại Phòng công chứng số 2 thành phố Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L và vợ chồng anh Nguyễn Thế V, chị Lê Thị B để thu hồi nợ.

3. Anh Nguyễn Thế V, chị Lê Thị B tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 49.181.000đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền 47.600.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/ 006943 ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài